

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HS-ST.

Ngày: 06/4/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh và ông Phạm Văn Tiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Quang H (tên gọi khác: B), sinh ngày 01 tháng 12 năm 1990 tại Kon Tum; Nơi ĐKTT: Số L, đường B, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở hiện nay: Số N, đường Đ, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quang P1 (đã chết) và bà Lâm Thị Minh T1, sinh năm 1966; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1991 và 02 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2021); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2022 đến ngày 26/12/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “*bảo lãnh*”. “*Có mặt*”.

2/ Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 07 tháng 9 năm 1995 tại Kon Tum; Nơi cư trú: Số I, đường H, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị Minh S, sinh năm 1971; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 26/12/2022 đến nay. “*Có mặt*”.

- Bị hại: Bà Lâm Thị Minh T1, sinh năm 1966 “*Có mặt*”.

Nơi cư trú: Số P, đường S, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991. “*Có mặt*”.

Nơi cư trú: Số N, đường Đ, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2/ Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1989. “*Vắng mặt*”.

Nơi cư trú: Số I, đường Đ, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- *Người làm chứng:*

1/ Anh Nguyễn Thoại K, sinh năm 1988. "Vắng mặt".

Nơi cư trú: Số M, đường T, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2/ Anh Đặng Văn T3, sinh năm 1998. "Vắng mặt".

Nơi cư trú: Số S, đường T, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/12/2022, vì không có tiền trả nợ cho Nguyễn Văn T nên Nguyễn Quang H đã bàn với T lấy trộm bộ sập bằng gỗ của bà Lâm Thị Minh T1 đi cầm cố lấy tiền. T đồng ý. Sau khi lấy được chìa khóa nhà bà T1 từ chùm chìa khóa xe máy của vợ H là chị Nguyễn Thị H1, H và T hẹn nhau ở ngã tư đường S với D cùng đi thuê xe cầu để cầu bộ sập. Khi cả hai đi đến đường T thì gặp Đặng Văn T3. T hỏi T3 có quen biết ai nhận cầm cố bộ sập gỗ không thì T3 liên hệ với Nguyễn Hoàng P. P và H nói chuyện và thống nhất giá cầm cố bộ sập là 20.000.000 đồng. Tiếp đó, T3 chỉ cho T và H chỗ thuê xe cầu ở đường H. Biết bà T1 không có nhà nên sau khi thuê được xe thì H, T dẫn xe cầu về nhà bà T1 tại số P, đường S, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Tại đây, H dùng chìa khóa mở cửa nhà, tắt cầu dao tổng để tắt hệ thống camera rồi cùng T khiêng bộ sập bằng gỗ, gồm 02 tấm làm bằng gỗ gõ đỏ dài 2,95m. Tấm thứ nhất rộng 68cm, dày 11cm; Tấm thứ hai rộng 74cm, dày 11cm; 02 chân sập làm bằng gỗ hương cẩm pốt, dài 1,44m, vị trí rộng nhất là 57cm lên xe cầu. Lúc này, P đến và nói chở bộ sập đến nhà của Nguyễn Thoại Kh tại số M, đường T, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Chở xong, P đưa cho H hợp đồng cầm cố cùng số tiền 20.000.000 đồng. H đưa cho T 12.000.000 đồng, số tiền còn lại, H tiêu xài cá nhân hết.

*Kết luận giám định tư pháp ngày 06/12/2022 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum thể hiện: Khối lượng gỗ của bộ sập (phảng): Tổng khối lượng gỗ xẻ của bộ sập (phảng) là 0,574m³; Chung loại gỗ, phân theo nhóm: Tấm thứ nhất kết luận, được xác định là Gỗ đỏ, có tên khoa học Afzelia xylocarpa Kuz có tên gọi khác là Cà te, Hồ bì, thuộc phân họ Vang (Caesalpinioideae) của Họ: Đậu (Fabaceae). Phân hạng gỗ: Nhóm I (Theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ Lâm nghiệp); Tấm thứ hai, kết luận, xác định là Gỗ đỏ, có tên khoa học Afzelia xylocarpa Kuz có tên gọi khác là Cà te, Hồ bì, thuộc phân họ Vang (Caesalpinioideae) của Họ: Đậu (Fabaceae). Phân hạng gỗ: Nhóm I (Theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ Lâm nghiệp);

Chân số 1, kết luận, xác định là Hương Cẩm Pốt tên khoa học là Pterocarpus campodianus thuộc họ: Đậu (Fabaceae). Phân hạng gỗ: Nhóm I (Theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ Lâm nghiệp); Chân số 2 kết luận: Mẫu gỗ cần giám định được xác định là Hương Cẩm Pốt tên khoa học là Pterocarpus campodianus thuộc họ: Đậu (Fabaceae). Phân hạng gỗ: Nhóm I (Theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ Lâm nghiệp).

* Kết luận định giá số 73/KL-HĐ ngày 08/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, UBND thành phố Kon Tum thể hiện: Tổng giá trị của bộ sập bằng gỗ nói trên là 25.098.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu, không trăm chín mươi tám nghìn đồng*).

*Vật chứng thu giữ và đã xử lý vật chứng như sau:

- 01 bộ sập bằng gỗ, gồm 02 tấm làm bằng gỗ gõ đỏ dài 2,95m; Tấm thứ nhất rộng 68cm, dày 11cm; Tấm thứ hai rộng 74cm, dày 11cm; 02 chân sập làm bằng gỗ hương căm pốt dài 1,44m, vị trí rộng nhất là 57cm. Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum đã trả lại cho bà Lâm Thị Minh T2.

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 5S, màu xám, số IMEI: 358760058319168 (điện thoại bị nứt màn hình và trầy xước bên ngoài). Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum đã trả lại cho Nguyễn Quang H.

- 01 chùm chìa khóa, gồm có 05 chìa khóa bằng kim loại. Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum đã trả lại cho chị Nguyễn Thị H.

- 01 hợp đồng cầm cố của “*Dịch vụ cầm đồ 360*” địa chỉ đường T, thành phố K.

Cáo trạng số 33/CT-VKSTPKT ngày 09/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố bị cáo Nguyễn Quang H và Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang H và Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt Nguyễn Quang H từ 15 đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách nhân đôi; đề nghị xử phạt Nguyễn Văn T từ 12 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách nhân đôi; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai yêu cầu giải quyết vấn đề gì về dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT – Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 01/12/2022, lợi dụng lúc mẹ đẻ là bà Lâm Thị Minh T1 đi chữa bệnh, không có ở nhà, bị cáo Nguyễn Quang H đã sử dụng chùm chìa khóa của vợ là chị Nguyễn Thị H (trong đó có chìa khóa nhà bà

T1) để mở cửa vào nhà bà T1 tại số P, đường S, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Tại đây, các bị cáo Nguyễn Quang H và Nguyễn Văn T đã lén lút chiếm đoạt 01 bộ sập bằng gỗ (gồm 02 tấm làm bằng gỗ gõ đỏ dài 2,95m; Tấm thứ nhất rộng 68cm, dày 11cm; Tấm thứ hai rộng 74cm, dày 11cm; 02 chân sập làm bằng gỗ hương căm pốt dài 1,44m, vị trí rộng nhất là 57cm), có giá trị là 25.098.000 đồng. Sau đó, các bị cáo đã mang bộ sập đi cầm cố cho anh Nguyễn Hoàng P được 20.000.000 đồng. Số tiền này, H đưa cho T 12.000.000 đồng, còn lại 8.000.000 đồng, H đã tiêu xài cá nhân hết.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường; phù hợp với vật chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Nguyễn Quang H và Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, các bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích trộm cắp tài sản là do H không có tiền trả nợ cho T nên H đã khởi xướng trộm cắp bộ sập bằng gỗ của mẹ đẻ đi cầm cố lấy tiền trả nợ 12 triệu cho T, được T đồng ý. T mặc dù biết rõ bộ sập không phải tài sản của H, biết rõ nhà số P, đường S, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum là của bà T1, không phải của H nhưng vẫn đồng ý thực hiện hành vi trộm cắp và nhận tiền sau khi cầm cố tài sản. Cả hai đã lợi dụng việc bị hại vắng nhà và dùng khóa để mở cửa, cắt cầu dao tổng để chủ sở hữu không quản lý được tài sản, các bị cáo đã dịch chuyển trót lọt tài sản khỏi nơi quản lý tài sản của chủ sở hữu, đi cầm cố lấy tiền trừ nợ. Giá trị tài sản chiếm đoạt tại thời điểm phạm tội được định giá trên 2.000.000 đồng. Hành vi đó của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân nên cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, bị cáo Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn T đều phạm tội do bộc phát, không có sự bàn bạc, cấu kết và phân công vai trò cho từng người; bị cáo H là người khởi xướng và cũng là người thực hành tích cực; bị cáo T là người giúp sức, hỏi người cầm cố tài sản, cùng khiêng sập dịch chuyển khỏi nơi quản lý tài sản của chủ sở hữu và nhận tiền để trừ nợ. Do đó, bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo, thấy rằng:

Các bị cáo không ai phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; Bị hại bà Lâm Thị Minh T1 xin giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo H đã tác động vợ của bị cáo là chị Nguyễn Thị H trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho người liên quan là anh Nguyễn Hoàng P. Tình tiết này được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt, HĐXX sẽ cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo thành người công dân sống lương thiện. Không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội như đại diện VKS tại phiên tòa đề nghị mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân sống biết tôn trọng pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Ngoài ra, trong vụ án này, còn có các đối tượng sau:

+ Chị Nguyễn Thị H là người có chìa khóa nhà bà T1, việc bị cáo H lấy chìa khóa từ chùm chìa khóa xe máy của chị để mở cửa vào nhà bà T1 trộm cắp tài sản chị không biết. Do đó, không xử lý đối với chị H là có cơ sở.

+ Anh Nguyễn Hoàng P là người nhận cầm cố bộ sập bằng gỗ mà H, T trộm cắp mà có với số tiền 20.000.000 đồng. Anh P gửi bộ sập tại nhà anh Nguyễn Thoại K. Anh K và anh P đều không biết bộ sập đó do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

+ Đối với tài xế xe cầu (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là người vận chuyển bộ sập gỗ đến nhà K, theo lời khai của H thì tài xế không biết đã chở tài sản trộm cắp nên không xử lý là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Lâm Thị Minh T1 đã nhận lại bộ sập bằng gỗ, anh Nguyễn Hoàng P đã nhận lại số tiền 20.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị H tự nguyện bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho anh P không yêu cầu bị cáo trả lại. Bà T1, anh P và chị H không có yêu giải quyết thêm vấn đề gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng:

Căn cứ khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, các vật chứng đã được Cơ quan Điều tra xử lý theo thẩm quyền gồm: 01 bộ sập bằng gỗ, gồm 02 tấm làm bằng gỗ gõ đỏ; 02 chân sập làm bằng gỗ hương căm pốt là tài sản của bà Lâm Thị Minh T1. Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum đã trả lại cho bà T1; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 5S, màu xám, là tài sản của Nguyễn Quang H, không sử dụng vào việc phạm tội đã trả cho bị cáo H; 01 chùm chìa khóa, gồm có 05 chìa khóa bằng kim loại là của chị Nguyễn Thị H đã được Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum trả lại cho chị H nên không xem xét giải quyết.

Đối với 01 hợp đồng cầm cố của “Dịch vụ cầm đồ 360” địa chỉ đường T, thành phố K là vật chứng nhỏ gọn, dễ bảo quản nên cần tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang H (tên gọi khác: B) và Nguyễn Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H **16** (*Mười sáu*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 32 (*Ba hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/4/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Quang H cho UBND phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **12** (*Mười hai*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (*Hai bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/4/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

* Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo người nào cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo vi phạm phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Quang H và Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (06/4/2023), bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án

theo trình tự phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP Kon Tum;
- VKSND Tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan điều tra TP Kon Tum;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Kon Tum;
- Người bị hại;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thị Hồng Dung